

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2023
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Đỗ Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu P, xã P, huyện C, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Đỗ Kim L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu P, xã P, huyện C, tỉnh P.

(Chị T, anh L đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Đỗ Kim L kết hôn trên cơ sở T nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2019 tại UBND xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được T nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh L tại xã Phú Khê. Vợ chồng hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau nên thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Đến đầu năm 2023 khi mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, chị không quay về chung sống cùng anh L nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2, *Quá trình giải quyết vụ án tại bản T khai ngày 02/6/2023 bị đơn anh Đỗ Kim L trình bày:* Anh và chị T kết hôn ngày 23/10/2019, T nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh tại khu Phú Lực, xã Phú Khê. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, khi mâu thuẫn trầm trọng đầu năm 2023 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở hay đi đâu thì anh không biết vì anh cũng không nói chuyện được với chị T. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Khi vợ chồng mâu thuẫn anh và bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, chị T kiên quyết không về chung sống cùng anh. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh chỉ lấy vợ chứ anh không bỏ vợ.

Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh L không yêu cầu giải quyết.

3, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Phú Khê ngày 31/7/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị T và anh L T nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/10/2019 tại UBND xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị T mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh L nữa. Nay chị T xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Kim L.

Về con chung: Chị T, anh L đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại Khu P, xã P, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T, anh L đều xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh L là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 23/10/2019 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2023 khi mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống. Phía anh T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh chỉ lấy vợ chứ anh không bỏ vợ. Ngày 31/7/2023 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh L được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh L nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh L đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh L không

yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Kim L.

[2]. Về con chung: Chị T, anh L đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0008196 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Phú Khê;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền